

CÔNG TY TNHH LB VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LB VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107967689

3. Ngày thành lập: 18/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 76 Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
2.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
3.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
4.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
5.	Đúc sắt, thép	2431
6.	Đúc kim loại màu	2432
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
9.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
10.	Sản xuất nhạc cụ	3220
11.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
12.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
13.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
14.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
17.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
18.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
19.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
20.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
21.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
23.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
24.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
25.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
26.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
28.	Tái chế phế liệu	3830
29.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
30.	Xây dựng công trình công ích	4220
31.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
39.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
42.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Bán buôn gạo	4631
46.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649

48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
51.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
53.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
54.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
55.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
58.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
63.	Sản xuất đường	1072
64.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
65.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
66.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
67.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
68.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
69.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

70.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
71.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
72.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
74.	Điều hành tua du lịch	7912
75.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
76.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
77.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
78.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
79.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
80.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
81.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
82.	Dịch vụ đóng gói	8292
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
84.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
85.	Sản xuất sợi	1311
86.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
87.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
88.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
89.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
90.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
91.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
92.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
93.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
94.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
95.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

96.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
97.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
98.	Vận tải bằng xe buýt	4920
99.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
100.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
101.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
102.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
103.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
104.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
105.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
106.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
107.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
108.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
109.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
110.	Sản xuất giày dép	1520
111.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
112.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
113.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
114.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
115.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
116.	In ấn	1811
117.	Sao chép bản ghi các loại	1820
118.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
119.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
120.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
121.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
122.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
123.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
124.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
125.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
126.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

127.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
129.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
130.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
131.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
132.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
133.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
134.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
135.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
136.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
137.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
138.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
139.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
140.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
141.	Sản xuất rượu vang	1102
142.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
143.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
144.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
145.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
146.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
147.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
148.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
149.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
150.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
151.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

152.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
153.	Quảng cáo	7310(Chính)
154.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
155.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
156.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
157.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
158.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
159.	Đại lý du lịch	7911
160.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
161.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
162.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
163.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
164.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
165.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
166.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
167.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
168.	Thu gom rác thải độc hại	3812
169.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
170.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
171.	Xây dựng nhà các loại	4100
172.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
173.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
174.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
175.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
176.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
177.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
178.	Bán mô tô, xe máy	4541
179.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
180.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
181.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
182.	Bán buôn tổng hợp	4690
183.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
184.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
185.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212

186.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
187.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
188.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
189.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
190.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
191.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
192.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
193.	Phá dỡ	4311
194.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
195.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
196.	Bán buôn thực phẩm	4632
197.	Bán buôn đồ uống	4633
198.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
199.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
200.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
201.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
202.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
203.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
204.	Bốc xếp hàng hóa	5224

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TUẤN KHÔI	78/5 Ấp An Phú B, Xã Long An, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	450.000.000	90,000	331379574	
2	NGUYỄN THỊ DUNG	Số nhà 89 - Đường Trần Hưng Đạo - Tổ dân số 2, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	50.000.000	10,000	194440173	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN KHÔI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 331379574

Ngày cấp: 24/02/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 78/5 Ấp AN Phú B, Xã Long An, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 419 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội